

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2024/DS-ST

Ngày : 22 - 8 -2024

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 517/2024/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 504/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1981; địa chỉ: số A, tổ B, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1971; địa chỉ: số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Tuấn H, sinh năm: 1977; địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn L trình bày:

Ngày 04/6/2022, thông qua sổ phụ tài khoản và xác nhận tin nhắn bà Phạm Thị Mỹ N đã vay của ông Trương Văn L số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn thanh

toán là 30 ngày (tức ngày 04/7/2022), không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận ban đầu, mặc dù, ông L đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ. Vì vậy, ông Trương Văn L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 05/7/2022 cho đến khi trả hết nợ, với mức lãi suất 10%/năm, tam tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 18/01/2024 là 30.794.521 đồng. Số tiền ông L cho bà N vay mượn là tiền riêng của ông L, không liên quan đến ai khác và ông L cũng chỉ yêu cầu một mình bà N có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi nêu trên cho ông trong thời gian sớm nhất.

Ông L xác định từ trước đến nay bà N chỉ sinh sống tại địa chỉ số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, ngoài địa chỉ trên ông L không biết địa chỉ nào khác của bà N. Đồng thời, hiện nay công việc làm ăn đang rất khó khăn nên ông L cũng không có khả năng tài chính để làm thủ tục đăng trên thông tin đại chúng do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào nơi cư trú cuối cùng của bà N là số 2E2, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn H có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến vào ngày 09/7/2024 như sau:

Ông Trần Tuấn H là chủ tài khoản phụ số 000001842936 được mở tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A. Vào ngày 04/6/2022, theo yêu cầu của ông Trương Văn L nên ông H đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản phụ số 000001842936 của ông H đến tài khoản số 3728801818882 của bà N được mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 – Chi nhánh A và tại nội dung giao dịch có ghi “linh cho chị nga muon”

Ông H xác định số tiền 200.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản bà N như trên là tài sản của ông Trương Văn L, không phải tiền của ông H vì trước đây, ông L có gửi tạm vào tài khoản của ông H nên ngày 04/6/2022, ông H mới thực hiện chuyển khoản theo yêu cầu của ông L. Trong vụ án này, ông Trần Tuấn H không tranh chấp số tiền 200.000.000 đồng với ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Mỹ N. Do công việc của ông H bận, không có thời gian nên ông H yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trương Văn L có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày. Bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 04/6/2022, ông **L** có cho bà **N** vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 30 ngày (tức ngày 04/7/2022), không thỏa thuận lãi suất. Hết thời hạn vay, bà **N** không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng đương nhiên có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên. Do bà **N** vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên ông **L** yêu cầu bà **N** trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/8/2024) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền đã cho vay. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thành phố L**; hợp đồng được các bên xác lập và thực hiện tại **thành phố L**. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai đề ngày 24/01/2024 của ông **Trương Văn L** đã cung cấp người bị kiện là bà **Phạm Thị Mỹ N**, sinh năm: 1983, địa chỉ: **số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**. Quá trình giải quyết vụ án, ông **L** có bản tự khai cung cấp lại thông tin người bị kiện và Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Thông báo số 70A/TB-TA ngày 12/6/2024 về việc xác định lại năm sinh của đương sự trong vụ án đối với bà **Phạm Thị Mỹ N**, sinh năm 1971, địa chỉ: **số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**.

[2.2] Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông **Trương Văn L** và ông **Trần Tuấn H** có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **Phạm Thị Mỹ N** vắng mặt

lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn căn cứ vào sổ phụ tài khoản và tin nhắn xác nhận vay tiền ngày 04/6/2022 giữa ông **Trương Văn L** và bà **Phạm Thị Mỹ N** thể hiện “*hôm nay ngày 04/6/2022 tôi tên là Phạm Thị Mỹ N, CMND 351321529, cấp ngày 19/4/2019 có mượn của L 200tr (hai trăm triệu đồng chẵn), thời gian mượn là 30 ngày trở lại. Đồng thời bên L chuyển vào tài khoản sau: 37288018188882 Phạm Thị Mỹ N, ngân hàng H1, Việt Nam*”. Tại tờ tự khai ngày 09/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Tuấn H** xác định là chủ tài khoản phụ số 000001842936 được mở tại **Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A**. Vào ngày 04/6/2022, theo yêu cầu của ông **Trương Văn L** nên ông **H** đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản phụ số 000001842936 của ông **H** đến tài khoản số 3728801818882 của bà **N** được mở tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 – Chi nhánh A** với nội dung giao dịch có ghi “*linh cho chị nga mượn*”. Đồng thời, tại Công văn phúc đáp số 134/2024/CV-MSB AGI ngày 02/7/2024 của **Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh A** cho biết số tài khoản 37288018188882 có chủ tài khoản là **Phạm Thị Mỹ N**, ngày 04/6/2022 có phát sinh giao dịch chuyển tiền ghi có vào tài khoản 37288018188882 với nội dung: LINH CHO CHI NGA MUON (có file sao kê tài khoản 37288018188882 ngày 04/6/2022 đính kèm (bút lục 38a - 39).

Như vậy, có cơ sở xác định giữa ông **L** và bà **N** có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 200.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay nhưng không thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện phía bà **N** đã không trả tiền vay đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên cho vay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà **Phạm Thị Mỹ N** đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà **N** cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi suất trên nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 05/7/2022 đến ngày Tòa án xét xử (22/8/2024) của ông **L**, Hội đồng xét xử xét thấy do bà **N** chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2024 là: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 780 ngày = 43.000.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **L**, buộc bà **N** có nghĩa vụ trả cho ông **L** số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 43.000.000 đồng. Tổng cộng là 243.000.000 đồng (tạm tính đến ngày 22/8/2024).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông **L** được chấp nhận nên ông **L** không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bà **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Văn L** đối với bà **Phạm Thị Mỹ N**.

Buộc bà **Phạm Thị Mỹ N** có nghĩa vụ trả cho ông **Trương Văn L** tổng số tiền 243.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu đồng*) (tạm tính đến ngày 22/8/2024), trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), lãi: 43.000.000 đồng (*bốn mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trương Văn L** không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.770.000 đồng (*năm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0001546 ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà **Phạm Thị Mỹ N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.075.000 đồng (*sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung